

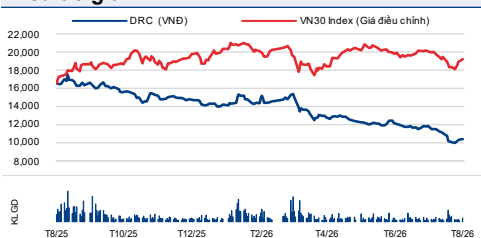
Giảm tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ13,300
Tiềm năng tăng/giảm: 27.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (4/8/2026)	10,400
Mã Bloomberg	DRC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,980-17,483
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	10,383
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	1,606
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	61.2
Sig CP lưu hành (tr.đv)	154
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	0
Sig CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	3.55%
Tỷ lệ freefloat	41.7%
Cổ đông lớn	in Hóa chất Việt Nam (50.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	5,004	5,447	5,826
EBITDA đc (tỷ đồng)	292	348	401
LNTT (tỷ đồng)	151	193	243
LNT ĐC (tỷ đồng)	109	139	175
FCF (tỷ đồng)	134	87.7	213
EPS ĐC (đồng)	706	900	1,135
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	12,572	13,073	13,334
T.trưởng EBITDA (%)	(26.5)	19.1	15.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(47.7)	27.5	26.0
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.84	6.39	6.88
Tỷ suất LNTT (%)	3.01	3.55	4.18
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.42	2.84	3.34
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	50.0	79.3
Nợ thuần/VCSH (%)	41.7	44.4	45.6
ROAE (%)	6.29	7.80	9.55
ROACE (%)	8.40	10.6	12.6
EV/doanh thu (lần)	0.47	0.45	0.43
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.09	7.03	6.20
P/E ĐC (lần)	14.7	11.5	9.16
P/B (lần)	0.83	0.80	0.78
Lợi suất cổ tức (%)	0	4.81	9.62

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DRC là một trong những doanh nghiệp nội địa sản xuất lốp xe lớn nhất Việt Nam và là thành viên của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Đức Thành Nhân

Chuyên viên cao cấp, CN & Công Nghệ
nhan.ndt@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q2/2026: Lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi phục hồi, vượt xa kỳ vọng

- Doanh thu thuần Q2/2026 của DRC đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (-15% svck, chủ yếu do sản lượng xuất khẩu giảm), trong khi lợi nhuận thuần đạt 32 tỷ đồng (-1% svck, do chịu áp lực chi phí dự phòng). Lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi đạt 70 tỷ đồng, tăng 6,4 lần so với cùng kỳ.
- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 đạt lần lượt 2,3 nghìn tỷ đồng (-9% svck) và 48 tỷ đồng (+15% svck), hoàn thành 43% và 41% dự báo cho cả năm của HSC (được đưa ra vào đầu tháng 3). Đáng chú ý, lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi trong nửa đầu năm 2026 đạt 150 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 129% dự báo cho cả năm 2026 - vượt xa kỳ vọng. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 15% trong 3 tháng qua, DRC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,9 lần, thấp hơn so với bình quân 5 năm (từ tháng 1/2021) ở mức 16,1 lần. Chúng tôi đang xem xét khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Phân tích sâu KQKD Q2/2026

Doanh thu thuần Q2/2026 của DRC đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (-15% svck, do doanh thu của các mảng kinh doanh cốt lõi suy yếu trên diện rộng), lợi nhuận thuần đạt 32 tỷ đồng (-1% svck, do chịu áp lực từ việc trích lập dự phòng) và lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi đạt 70 tỷ đồng (+6,4 lần svck).

Theo đó, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 đạt lần lượt 2.331 tỷ đồng (-9% svck) và 48 tỷ đồng (+15% svck), hoàn thành 43% và 41% dự báo cho cả năm (được đưa ra vào đầu tháng 3) của chúng tôi. Đáng chú ý, lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi – sau khi hoàn nhập 102 tỷ đồng chi phí dự phòng thuần (so với không hoàn nhập trong nửa đầu năm 2025) – đạt 150 tỷ đồng (+2,6 lần svck), hoàn thành 129% dự báo cho cả năm 2026. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận.

Doanh thu thuần giảm do sản lượng tiêu thụ suy yếu

Doanh thu thuần Q2/2026 giảm 15% so với cùng kỳ xuống 1.176 tỷ đồng, chủ yếu do lực cầu suy yếu ở hầu hết các mảng kinh doanh, ngoại trừ mảng săm lốp xe máy và xe đạp. Chi tiết như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 6/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2 và 6 tháng đầu năm 2026, DRC

Trong Q2/26 lợi nhuận thuần giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ trong khi lợi nhuận 'cốt lõi' tăng 641% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q2/26	svck	svqt	6T26	svck	% 2026 HSC db
Doanh thu thuần	1,176	-15%	2%	2,331	-9%	43%
Lợi nhuận gộp	217	40%	17%	403	41%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18.4%	+7.2ppts	+2.4ppts	17.3%	+6.1ppts	
Chi phí BH&QL	-162	37%	2%	-321	40%	
Chi phí BH&QL/DT	13.8%	+5.2ppts	+0.0ppts	13.8%	+4.8ppts	
Lợi nhuận tài chính	-15	-12.7x	N/m	-24	N/m	
Lợi nhuận thuần	32	-1%	96%	48	15%	41%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2.7%	+0.4ppts	+1.3ppts	2.1%	+0.4ppts	
Các khoản mục ròng không thường xuyên	-38	-52%	N/m	-102	N/m	
Lợi nhuận thuần cốt lõi	70	6.4x	-12%	150	2.6x	129%
Ts lợi nhuận thuần cốt lõi	6.0%	+5.3ppts	-0.9ppts	6.4%	+4.8ppts	

Ghi chú: * Không bao gồm ảnh hưởng sau thuế của khoản trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu liên quan đến Oceanside One Trading LLC và Dforce Tires & Wheels LLC..
Nguồn: DRC, HSC

- **TBR (đóng góp 59% doanh thu thuần Q2/2026):** Doanh thu thuần giảm 17% so với cùng kỳ xuống còn 689 tỷ đồng do sản lượng tiêu thụ giảm 19% so với cùng kỳ – chịu áp lực từ mức sụt giảm 26% so với cùng kỳ của sản lượng xuất khẩu mặc dù sản lượng tiêu thụ trong nước vẫn tăng 12% so với cùng kỳ. Sản lượng xuất khẩu giảm do công ty ngưng xuất hàng cho Oceanside One Trading (Brazil) và Dforce Tires & Wheels (Mỹ) từ đầu năm 2026, sau khi phát sinh nợ quá hạn từ Q4/2025.
- **Lốp bias (đóng góp 21% doanh thu thuần Q2/2026):** Doanh thu thuần giảm 3% so với cùng kỳ xuống còn 246 tỷ đồng do sản lượng tiêu thụ lốp xe tải nặng (-5% svck) và lốp xe tải nhẹ (-4% svck) suy yếu theo đà giảm của nhu cầu xuất khẩu. Sản lượng xuất khẩu giảm 37% so với cùng kỳ do nhu cầu tại châu Á suy yếu, đi kèm đơn hàng sụt giảm từ các khách hàng lớn bao gồm Tập đoàn Kian Heng (Malaysia), Ali Tyre (Pakistan) và Sunway (Malaysia).
- **Săm lốp xe máy và xe đạp (đóng góp 13% doanh thu thuần Q2/2026):** Doanh thu thuần đạt 152 tỷ đồng (+5% svck), dựa trên đà tăng trưởng của phân mảng săm lốp xe máy (+8% svck) và xe đạp (+1% svck). Động lực tăng trưởng đến từ sự cải thiện 4% so với cùng kỳ của sản lượng tiêu thụ xe máy trong nước, theo số liệu từ Hiệp hội các nhà sản xuất xe máy Việt Nam.
- **PCR (đóng góp 3% doanh thu thuần Q2/2026):** Doanh thu thuần giảm 58% so với cùng kỳ xuống 37 tỷ đồng, do sản lượng tiêu thụ giảm 71% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng xuất khẩu giảm 86% so với cùng kỳ.

TSLN cải thiện nhờ hàng tồn kho giá rẻ

Tỷ suất lợi nhuận trong quý này cao hơn so với cùng kỳ, nhờ giá bán bình quân cao hơn và hàng tồn kho giá rẻ. Tỷ suất lợi nhuận thuần Q2/2026 mở rộng lên 2,7% (+0,4 điểm % svck) nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện, bù đắp cho (1) tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu cao hơn và (2) lỗ tài chính 15 tỷ đồng do ghi nhận lãi tỷ giá thấp hơn (so với lợi nhuận HĐ tài chính 1 tỷ đồng trong Q2/2025). Chi tiết như sau:

- Tỷ suất lợi nhuận gộp mở rộng lên 18,4% (+7,2 điểm % svck), cải thiện ở tất cả các mảng kinh doanh chính, chủ yếu nhờ (1) việc tăng giá bán bình quân nhằm ứng phó với xu hướng tăng vọt của giá cao su tự nhiên và tổng hợp (chiếm hơn 50% chi phí sản xuất) trong bối cảnh giá dầu leo thang liên quan đến tình hình căng thẳng tại Trung Đông và (2) chi phí đầu vào rẻ hơn nhờ tích trữ hàng tồn kho giá rẻ trong Q1/2026.
- Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng lên 13,8% (+5,2 điểm % svck), chủ yếu do chi phí dự phòng phải thu quá hạn trong Q2/2026 tăng vọt lên 48 tỷ đồng (so với 1 tỷ đồng trong Q2/2025). Các khoản dự phòng này, chủ yếu liên quan đến Oceanside One Trading LLC và Dforce Tires & Wheels LLC, chiếm 30% tổng chi phí bán hàng & quản lý trong quý. Tính từ Q4/2025 đến hết Q2/2026, DRC đã trích lập 184 tỷ đồng dự phòng, tương đương 34% tổng các khoản phải thu từ hai đối tác này. Đáng chú ý, HSC cho rằng các khoản trích lập dự phòng liên quan đến những công ty này sẽ không còn xuất hiện trong KQKD của DRC trong thời gian tới.

Nếu loại trừ các khoản chi phí dự phòng liên quan đến hai đối tác trên, cùng các khoản mục bất thường/không thường xuyên khác, lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi Q2/2026 và nửa đầu năm 2026 lần lượt đạt 70 tỷ đồng (TSLN từ lợi nhuận cốt lõi: 6%) và 150 tỷ đồng (đã hoàn thành 129% dự báo cho cả năm 2026 của chúng tôi) (TSLN từ lợi nhuận cốt lõi: 6,4%), so với mức 9 tỷ đồng (TSLN từ lợi nhuận cốt lõi: 0,7%) và 42 tỷ đồng (TSLN từ lợi nhuận cốt lõi: 1,6%) trong Q2/2025 và nửa đầu năm 2025.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 12% và 15% trong 1 tháng và 3 tháng qua, DRC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,9 lần, thấp hơn so với bình

quân 5 năm (từ tháng 1/2021) ở mức 16,1 lần. Chúng tôi đang xem xét lại giá mục tiêu, khuyến nghị và dự báo lợi nhuận.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần và tỷ suất lợi nhuận gộp, DRC

Doanh thu thuần Q2/26 giảm 15% svck, nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên 18,5% (tăng 7,2 điểm % svck) nhờ giá bán bình quân tăng và chi phí đầu vào giảm

Tỷ đồng	Q2/26	svck	svqt	6T26	svck
Doanh thu thuần	1,176	-15%	2%	2,331	-9%
TBR (Lốp radial dành cho xe tải và xe buýt)	689	-17%	1%	1,373	-13%
Bias (cho xe tải hạng nặng, hạng nhẹ và xe chuyên dụng)	246	-3%	-11%	521	13%
PCR (Lốp xe du lịch)	37	-58%	-26%	87	-39%
Lốp và sảm xe máy, xe đạp	152	5%	3%	300	7%
Khác (săm, yếm lốp, lốp đắp lại, v.v.)	52	-7%	-5%	107	15%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	217	40%	17%	403	41%
TBR (Lốp radial dành cho xe tải và xe buýt)	103	34%	-5%	212	41%
Bias (cho xe tải hạng nặng, hạng nhẹ và xe chuyên dụng)	62	38%	-6%	129	67%
PCR (Lốp xe du lịch)	5	Đảo chiều	490%	6	Đảo chiều
Lốp và sảm xe máy, xe đạp	30	66%	-4%	61	61%
Khác (săm, yếm lốp, lốp đắp lại, v.v.)	16	12%	-8%	34	55%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18.5%	+7.2ppts	+2.4ppts	17.3%	+6.1ppts
TBR (Lốp radial dành cho xe tải và xe buýt)	15.0%	+5.8ppts	-0.9ppts	15.5%	+5.9ppts
Bias (cho xe tải hạng nặng, hạng nhẹ và xe chuyên dụng)	25.3%	+7.6ppts	+1.1ppts	24.7%	+8.1ppts
PCR (Lốp xe du lịch)	13.4%	+13.4ppts	+11.7ppts	6.7%	+8.4ppts
Lốp và sảm xe máy, xe đạp	19.8%	+7.3ppts	-1.2ppts	20.4%	+6.9ppts
Khác (săm, yếm lốp, lốp đắp lại, v.v.)	31.2%	+5.4ppts	-0.9ppts	31.7%	+8.2ppts

Nguồn: DRC, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	4,673	5,004	5,447	5,826	6,112
Lợi nhuận gộp	729	676	798	859	904
Chi phí BH&QL	(443)	(501)	(572)	(583)	(611)
Thu nhập khác	0.26	0.45	0	0	0
Chi phí khác	(1.79)	(0.81)	0	0	0
EBIT	285	174	226	276	293
Lãi vay thuần	3.69	(23.8)	(32.8)	(32.7)	(32.7)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	289	151	193	243	260
Chi phí thuế TNDN	(57.4)	(29.3)	(38.6)	(48.7)	(52.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	232	121	155	195	208
Lợi nhuận thuần ĐC	208	109	139	175	187
EBITDA ĐC	398	292	348	401	420
EPS (đồng)	1,500	785	1,001	1,261	1,349
EPS ĐC (đồng)	1,350	706	900	1,135	1,214
DPS (đồng)	1,500	0	500	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	154	154	154	154	154
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	154	154	154	154	154
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	154	154	154	154	154

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	221	208	152	120	206
Đầu tư ngắn hạn	45.0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	697	982	1,094	1,141	1,167
Hàng tồn kho	1,491	1,387	1,510	1,615	1,694
Các tài sản ngắn hạn khác	341	236	256	274	288
Tổng tài sản ngắn hạn	2,794	2,813	3,012	3,151	3,354
TSCĐ hữu hình	1,212	1,243	1,202	1,166	1,089
TSCĐ vô hình	0.79	1.87	2.39	2.57	2.41
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	132	0.13	0.13	0.13	0.13
Đầu tư vào Cty LD,LK	5.12	5.47	6.07	6.07	6.07
Tài sản dài hạn khác	56.1	105	114	122	128
Tổng tài sản dài hạn	1,406	1,355	1,325	1,297	1,226
Tổng cộng tài sản	4,200	4,168	4,337	4,448	4,580
Nợ ngắn hạn	826	847	868	870	913
Phải trả người bán	946	1,034	1,088	1,137	1,166
Nợ ngắn hạn khác	264	136	144	152	158
Tổng nợ ngắn hạn	2,139	2,081	2,169	2,233	2,316
Nợ dài hạn	133	121	125	130	127
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	12.8	24.8	24.8	24.8	24.8
Tổng nợ dài hạn	146	146	150	155	152
Tổng nợ phải trả	2,285	2,226	2,318	2,388	2,467
Vốn chủ sở hữu	1,915	1,942	2,019	2,059	2,113
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.26	0.16	0.16	0.16	0.16
Tổng vốn chủ sở hữu	1,915	1,942	2,019	2,059	2,113
Tổng nợ phải trả và VCSH	4,200	4,168	4,337	4,448	4,580
BVPS (đ)	12,402	12,572	13,073	13,334	13,683
Nợ thuần*/(tiền mặt)	738	760	841	880	834

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	285	174	226	276	293
Khấu hao	(112)	(118)	(122)	(125)	(127)
Lãi vay thuần	3.69	(23.8)	(32.8)	(32.7)	(32.7)
Thuế TNDN đã nộp	(70.6)	(30.9)	(38.6)	(48.7)	(52.1)
Thay đổi vốn lưu động	(159)	(92.9)	(182)	(102)	(75.7)
Khác	(95.4)	(17.6)	(7.23)	(4.68)	(3.05)
LCT thuần từ HKKD	(108)	134	87.7	213	257
Đầu tư TS dài hạn	-	-	-	-	-
Góp vốn & đầu tư	(482)	(85.6)	(82.2)	(88.8)	(50.1)
Thanh lý	234	45.0	0	0	0
Khác	(3.35)	(46.3)	(9.28)	(7.93)	(5.99)
LCT thuần từ HĐĐT	(238)	(37.7)	(92.1)	(96.7)	(56.1)
Cổ tức trả cho CSH	(143)	(129)	(77.2)	(154)	(154)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	375	20.6	24.9	7.08	39.5
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	231	(109)	(52.3)	(147)	(115)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	321	221	208	152	120
LCT thuần trong kỳ	(115)	(12.9)	(56.7)	(31.5)	85.7
Ảnh hưởng của tỷ giá	15.3	0.47	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	221	208	152	120	206
Dòng tiền tự do	(108)	134	87.7	213	257

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.6	13.5	14.6	14.7	14.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.51	5.84	6.39	6.88	6.88
Tỷ suất LNT (%)	4.96	2.42	2.84	3.34	3.41
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.9	19.5	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	3.96	7.08	8.86	6.95	4.91
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	0.87	(26.5)	19.1	15.2	4.80
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(5.96)	(47.7)	27.5	26.0	6.96
Tăng trưởng EPS (%)	(5.97)	(47.7)	27.5	26.0	6.96
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(5.96)	(47.7)	27.5	26.0	6.96
Tăng trưởng DPS (%)	25.0	(100)	nm	100	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	100	0	50.0	79.3	74.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.3	6.29	7.80	9.55	9.98
ROACE (%)	14.5	8.40	10.6	12.6	13.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.23	1.20	1.28	1.33	1.35
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.38)	0.77	0.39	0.77	0.88
Số ngày tồn kho	138	117	119	119	119
Số ngày phải thu	64.5	82.8	85.9	83.9	81.8
Số ngày phải trả	87.6	87.2	85.4	83.6	81.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	43.2	41.7	44.4	45.6	42.4
Nợ/tài sản (%)	24.9	24.4	24.2	23.8	24.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	7.33	6.88	8.45	8.97
Nợ/EBITDA (lần)	2.63	3.49	3.01	2.64	2.62
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.31	1.35	1.39	1.41	1.45
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.50	0.47	0.45	0.43	0.40
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.89	8.09	7.03	6.20	5.81
P/E (lần)	6.93	13.3	10.4	8.25	7.71
P/E ĐC (lần)	7.70	14.7	11.5	9.16	8.57
P/B (lần)	0.84	0.83	0.80	0.78	0.76
Lợi suất cổ tức (%)	14.4	0	4.81	9.62	9.62

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn